

## ĐÊM XUÂN HOAN LẠC

Ông đạp chân vào mặt nước Mỹ với bước chân đầu tiên ở phi trường Los Angeles lúc 14 giờ. Trời chớm đông, nhưng nơi đây cái lạnh đã khiếp. Ông bỏ quên miền Bắc đã hơn năm mươi năm, đã quen với cái nắng miền Nam nên mới vừa nhập sơ sơ vào cái lạnh xứ người đã cảm thấy nó như từ trong xương thịt chui ra. Nhất là đôi chân ông, đôi ống xương cẳng gà chỉ còn lớp da đầy lông lá bao bọc sau khi ngồi trên máy bay ghé chỗ nọ chỗ kia ngót hai mươi tiếng đồng hồ mới tới như xưng lên. Nó như muốn sụm xuống. Cũng may có bà vợ béo tốt khỏe mạnh đi kèm và nhất là con cái ông đã lo cho hai ông bà hai vé xe đẩy nên ông thoát ra khỏi cái lòng phi trường mênh mông gấp trăm ngàn lần cái phi trường Tân Sơn Nhất ở Sài Gòn đỡ vất vả. Lần đầu tiên trong bóng chiều chạng vạng bị nuốt chửng bởi bao ngọn đèn trăm oát trong nhà ga,

ông cảm thấy mình như bé lại và lạc lõng bởi một thế giới đủ màu sắc âm thanh. Cái mớ tiếng Anh ông học suốt bảy năm Trung học giờ như ngọng ở trong miệng khi ông muốn nói với nhân viên phục vụ phi trường rằng ông có vé ngồi xe đẩy. May sao vợ ông đã kinh qua việc đi đứng này qua một cử chỉ giơ vé của bà kèm câu nói ngắn gọn Number 5 chẳng cần thành câu thành cú gì là họ đã đẩy lại cái xe tới chỗ ông và đồ đạc linh kính đem theo. Hai ông bà ngồi êm ái ra cửa số 5. Nơi đó đang đong đưa nước mắt và lời reo mừng của con gái, con rể ông trong những vòng tay ôm chặt chỉ có ở thế giới mắt xanh tóc vàng chứ không có ở... cái gia đình còn tồn tại đạo đức Khổng Khâu của ông. Nhưng chúng nó đã ôm thì ông cũng gượng gạo ôm thôi song lòng ông không thoát nỗi sự gặp gỡ ngọt ngào ấm áp. Sau những giọt nước mắt vui mừng như lau sạch cảnh nhớ nhưng con cháu hơn tám năm xa cách, vợ chồng ông cùng mớ va li, đồ đạc linh kính những mực khô, tôm khô, chè tàu chè mạn cà pháo, cà phê được chất hết lên chiếc xe Lexus. Rồi xe chuyển bánh. Máy nổ êm ru chạy bon bon qua khu City trong ánh đèn rực rỡ, xe nọ nối đuôi xe kia theo đúng "lên" đường quy định. Tịnh không có một loại xe gắn máy

nào gầm rú như đường phố quê ông. Tịnh không có anh tài xế nào bóp còi inh ỏi luôn lách đâm ngang đâm dọc. Tịnh không có một xe nào đèn đỏ cũng chạy, xanh cũng qua như bao nhiêu năm, hình như hơn ba mươi năm ấy nhỉ xảy ra như cơm bữa ở quê ông. Quay sang thẳng con rế đang chăm chú nhìn hàng xe phía trước, ông nhẹ ngả đầu lên ghế mỉm cười khi nhớ tới có lần ông “cười” chiếc Dream II tới ngã tư khi đèn chuyển sang màu đỏ. Vừa đạp thắng dừng lại thì từ phía sau, ông nghe thấy tiếng xe rú lách qua cùng tiếng chửi thề bằng giọng quê cha đất tổ Trường An thanh lịch của ông xưa theo gió phả vào mặt:

- Đ. mẹ, “đỗ” lại làm *đéo* gì hả thằng cha già? Ông ngược mắt nhìn theo nhưng chỉ thấy khuôn mặt đứa con gái mặc quần tới bẹn ngồi sau quay lại cười toe toét. Nó còn giơ tay vẫy vẫy ông ra chiều khoái trá.

- Một xã hội băng hoại! Ông thở dài, sang số cho xe chạy khi đèn tín hiệu màu xanh.

Vừa nhớ lại hình ảnh ấy thì cũng là lúc thằng con rế ông cho xe lăn bánh vào đường cao tốc. Ngồi trong xe tuy không êm bằng lúc ông ngồi máy bay ngót hai mươi tiếng đồng hồ nhưng chưa có một lúc nào bánh dằn qua

dần lại hay nhảy cõn lên như những con đường mà người dân thành phố quê ông mệnh danh là “con đường đau khổ”. Nhất là mấy năm trước ngày ông đi định cư thì đã được các cơ quan như các ông đào ống thoát nước, ống dẫn cáp ngầm, ống dẫn nước ăn... thi nhau đào bới. Cứ ông nọ vừa lấp thì ông kia lại đào lên. Con đường chẳng biết đất thịt có đau không chứ nhiều người đã cảm thương so sánh nó như nàng Kiều bị đủ khách làng chơi làm tan nát cả đời hoa... Ấy xe càng chạy êm bao nhiêu, ông lại càng thấy đầu óc thư thả để mà so sánh, mà thương cái loạn xạ giao thông đường sá ở quê mình. Quay nhìn phía sau, ông thấy vợ con đang ngủ đầu ngủ ngon lành như giấc ngủ êm ái trong ghế salon mặc dù thẳng con rể ông đang đánh tay lái lượn hết vòng này qua vòng khác. Hẳn là nó đang đi trên các cầu vượt để ra đường cao tốc khác. Quả nhiên chỉ một lát sau, nó đã bình thản nhẹ nhàng để tay trên vô lăng và ông thấy tốc độ xe bỗng nhiên tăng vùn vụt. Tăng đến chóng mặt mà có thể nói cả đời ông chơi xe - chưa một lần nào ông dám đi với tốc độ này. Mặc dù ông đã chơi xe từ năm 1954 - con xe đầu tiên là chiếc traction “đít vịt” của ông chú ruột làm chức Chủ tịch Hội đồng Đô thành Sài Gòn. Sở dĩ ông được toàn quyền

lái xe này đi học làm chóa mắt cả lũ bạn bè CVA dạo đó là vì ông chú có xe nhà nước đưa đi đón về. Cụ Chánh thân sinh của ông vì có mình ông là độc đinh nên rất chiều con, chỉ sợ mai một cụ chết đi không có ai chống gậy. Vả lại cảnh nhà buôn bán khá giả. Sơn nọ trộn sơn kia mua một bán mười nên ông trở thành “cậu con Trời con Phật”. Năm hai mươi tuổi mới đậu cái bằng Trung học đệ nhất cấp, ông đã đòi bố mua riêng cho cái xe “Citroën” để khỏi phải sáng sáng đạp vélo lên vất ở nhà ông chú rồi mượn ô tô đi học. Ông hãnh diện bảo với bạn bè: “Tao là con nhà gia giáo đến cái “xế” của tao trước khi dừng lại đều gật đầu chào mấy phát rồi mới đứng”, mà phải nói dạo ấy, ông là học sinh “hách” nhất. Tính trên đầu ngón tay chỉ có mỗi thầy Quỳnh dạy vạn vật là có cái xe *cát-sơ-vô* mà nếu không sơn khác màu là người ta sẽ lầm với loại taxi chở khách. Ngoài ra các thầy dạy CVA dạo đó chỉ toàn là cưỡi ngựa sắt họa hoàn mới có thầy đi mô-bi-lét vàng đã là sang. Gọi là sang bởi đời trước nó là mô-bi-lét xám. Cái “anh” này muốn chạy thì phải dựng đứng, rồi cưỡi lên, lấy hai chân đạp pê-đan như đạp chong chóng cho nó nổ rồi bóp côn cho bánh sau dừng lại. Lúc đó mới nhích nhẹ nhàng ga khi đã yên vị trên yên.

Lắm khi đạp vã mồ hôi mà máy chẳng nổ, lại đành cúi xuống kéo cái chốt ở đĩa chạy cua-roa cho sang đĩa xe đạp mà đạp. Lúc ấy thì như mình vác xe chứ không phải xe mang mình và nó được mệnh danh là xe “mô bi lét”. Cả trường CVA thời đó hình như thầy Tổng Lăng có loại xe này. Còn loại đàn em là mô-bi-lét vàng thì chỉ cần dựng lên đạp một cái là nổ chẳng cần phải ngồi lên đạp như đạp guồng kéo nước...

Xe vẫn lăn đều với tốc độ quy định chạy trên đường cao tốc. Bóng tối đã xuống từ lâu chỉ còn thấy những luồng ánh sáng quét ngang dọc như ánh chớp lia lia qua màn sương mỏng. Ông mỉm cười một mình, tự hào thấy ngay cả đến những ngày sau ba mươi tháng tư, dù nhà chỉ có bo bo, bột mì làm chuẩn thay cơm, ông vẫn còn giữ được cái Renault 10 mà bạn bè thường chế nhạo có đem đổi lấy cái honda dame của Nhật Bản sang từ thập niên sáu mươi thế kỷ trước cũng chẳng ma nào đổi. Lý do xăng nhớt đâu mà chạy! Bây giờ ông ngồi trên đất Mỹ, cái Renault 10 của ông vẫn được thằng con trai của ông giữ làm kỷ niệm. Lâu lâu nó lại xách ra chở vợ con lòng vòng thành phố. Tất nhiên chẳng thể đi xa. Bởi máy đã rã theo “xương cốt

De Gaulle" và nhất là bình nước cứ vô ý nhích tốc độ cao lên là nó sôi sùng sục - lúc ấy chỉ có ngồi chơi chờ nguội máy mà "bò" về sau khi đã cho nó uống vài can nước ruộng bên đường loại mười lít. Một thời chơi xe! Một thời oanh liệt! Nhưng cái loại Lexus như thằng con rể ông đang lái thì quả thật ông chưa bao giờ được "sờ" tới. Và nhất là đường đất ở cái xứ Mỹ này, với tốc độ này, với tuổi già trên bảy mươi của ông liệu ông còn có thể mượn thằng con biểu diễn vài vòng được không? Chắc chắn là phải học lại từ đầu, từ lý thuyết đến thực hành chứ đâu có dễ dàng mua bằng mua cấp lái xe dễ dàng như ở quê ông. Bỗng thằng con ông bật si-nhan và đánh tay lái rẽ vào một cột đổ xăng. Gọi là cây xăng nhưng không phải chỉ trừ hai ba cột như ở quê ông mà đây như một siêu thị thu nhỏ có hàng hóa, có ăn uống, có nơi vệ sinh không mùi vị khác hẳn ở quê nhà với những đại lộ kinh hoàng chết người như cơm bữa cũng có nhà vệ sinh đề là công cộng mà nếu không có người ngồi ở bàn lấy tiền thì nó sẽ còn khủng khiếp tới đâu.

Trong lúc vợ con đi dạo trong các cửa hàng, ông ngồi nhâm nhi ly cà phê sữa nóng chẳng có mùi vị gì vì nó

được pha bằng sữa tươi nên nhạt như nước ốc. Tất cả những gì ông mới qua có vài tiếng đồng hồ trên đất Mỹ mà đã làm cho ông thấy choáng ngợp chẳng khác gì một đứa trẻ nhà quê lần đầu tiên ra tỉnh lỵ.

Đêm đầu tiên bởi trái múi giờ, ông trần trọc không tài nào ngủ được mặc dù lúc đó đã hai giờ đêm trên đất Mỹ. Và mặc dù bà vợ ông một tay, một đùi gác lên ngực, lên bụng ông như muốn đè cơn lạnh cứ luẩn quẩn, loanh quanh tìm kẽ hở chui vào. Dạo ở quê nhà có bao giờ ông chịu ngủ trên giường phủ một lớp nệm kymdan dày đến hơn hai tấc, trừ mấy đêm động phòng hoa chúc hay sau này qua lần “chăn gối” xong, ông lại trải chiếc chiếu hoa nằm dang chân dang tay trên sàn lát đá hoa. Có lẽ nhờ thói quen nằm với tư thế đó mà hơn bảy mươi tuổi, lưng ông vẫn thẳng băng như lưng chàng Vội trong “Trống mái” của Khái Hưng. Dạo ấy những đêm mất ngủ như đêm nay, ông thích nằm nhìn lên trần nhà theo dõi những con thạch sùng rượt nhau cho đến khi con nọ chồm lên được con kia, phải một lúc khá lâu cả hai đều rơi xuống nhưng vẫn chẳng rời nhau. Lúc



đầu ông nghĩ rằng chúng chết cả vội ngồi dậy định lấy cán phất trần phẩy đi, không ngờ bóng ông vừa dựng; chúng đã nhanh như chớp, mỗi con chạy về một phía góc tủ. Ngả mình nằm trở lại, ông mỉm cười tự nhủ: “Đây mới thật là tình yêu bất tử”. Một cuộc giao hoan mà thân chết cũng phải đắm say”. Nhưng đêm nay, nơi chiếc phòng ấm áp của con cái dành riêng cho vợ chồng ông. Ông nhìn lên tìm mãi mà không thấy bọn thần lùn Mỹ nào rượt nhau, làm tình trên trần nhà như nơi quê hương cố quận.

Mãi mười giờ hôm sau, ông mới tỉnh giấc. Không gian vẫn vắng lặng như tờ.

Với không gian ấy, nỗi cô đơn hiu quạnh của vợ chồng ông dù chỉ mới gần hai tháng cũng đã đủ cho ông cảm thấy rằng cuộc sống trên đất Mỹ không phải là Thiên đường như người ta tưởng mà luôn luôn là một sự vận động phi thường trong cuộc sống. Tất cả những chỗ có lương cao, có địa vị tốt luôn dành sự ưu ái cho lớp người có đầu óc sáng tạo, có trí thức. Đây là sự bù đắp xứng đáng cho tuổi trẻ bỏ bao năm tháng miệt mài trong các trường Đại học. Ở cái đất này tuy

cũng có cái loại bằng mua như Thạc sĩ, Tiến sĩ, xong chỉ là để chơi không có chỗ cho quyền cao chức trọng được. Còn thứ lương năm sáu đôla một giờ, gọi là loại lao động phổ thông thì là công việc thường xuyên không thiếu. Chỉ có những người lười biếng mới được ghi mả mai vào “tập đoàn thất nghiệp”. Con rể ông cũng như bao lớp người khi sang tới đây đều đã lớn tuổi và nếu muốn có một nghề để xin vào công ty, xí nghiệp nào đó đều phải đi học nghề chuyên môn. Nghĩa là sống trên đất Mỹ từ nghề làm móng tay cho đến cắt tóc đều phải có “lai-sân” tuốt không có cái giấy chứng nhận nghề ngỗng đó thì cả đời cũng chỉ là “đoàn quân lao động” sáng sớm tập trung ở một góc phố nào đó như của Hà Thành trong một đoạn phim phóng sự người ta chiếu trên tivi mà ông đã coi. Đoàn quân ấy ngồi uống nước chè, hút thuốc lào vặt và khi có ai tới mượn thì chen nhau ra giành việc. Con ông cũng đã có lần viết thư cho ông ở cái xứ này nào có khác gì ở Việt Nam nghĩa là khi chưa có nghề ngỗng thì họ cũng phải kéo nhau ra một địa điểm được quy định, tạm gọi là “chợ người”. Có ngày ai thích hái trái cây thì đi lên xe về nông trại, lại có người xin được cai thầu đi cắt cỏ ở ngôi biệt thự vườn rộng mênh mông vì nếu chủ nhân cắt không kịp

sẽ nhận được giấy phạt gửi về. Nhìn chung cảnh chợ người có ngày “cháy chợ” vì nhiều việc song cũng có ngày “ế chủ”. Cũng may, dạo ấy đám con ông đã biết trước rằng sang xứ này mà không có nghề thì sẽ nghèo mặt rệp và con gái ông đã được bà con định cư ngót mười năm tư vấn cho là hãy đi học nghề làm móng. Do đó khi đã tạm ổn định nơi ở, nó đã thi được cái “lais-sân” và xin làm ở một tiệm người anh của bà cô với cảnh ăn chia tứ lục. Mặc dù là mỗi ngày phải lên khu Cít-ty cách xa nơi ở hơn trăm cây số, nhưng đã có việc làm tạm ổn. Còn thằng chồng mày mò học được nghề sửa máy giặt và cũng xin được việc làm cách tiệm móng của vợ khoảng ba mươi cây. Hàng ngày chúng dậy từ bốn giờ sáng “cơm đùm muối bọc” đi làm bất kể ngày đông tháng giá. Tính ra lương hai đứa cộng lại cũng có thể mua được căn nhà trả góp khàng trang đầu có lụp sụp như chỗ ở hiện tại. Đây là buổi sáng đầu tiên ông trở dậy muộn và đã quan sát từ trong ra ngoài, từ trước ra sau căn nhà vợ chồng nó thuê đã ngót 5 năm xem ra cũng chỉ tạm đủ chứa bốn năm người trở xuống. Đó là một dãy nhà tính ra diện tích mỗi căn kể cả sân trước vườn sau hơn trăm mét vuông. Mẫu mã giống hệt nhau; tường là một thứ gổ ép sơn trắng và

mái lợp như một thứ vải bố dày cộm úp lên. Nói chung nó cũng là một thứ nhà làm cho công nhân thuê như ở các khu công nghiệp tại quê ông nhưng văn minh và đầy đủ tiện nghi. Song đối với ông tiện nghi cách mấy cũng không bằng “cái nhà là nhà của ta” như ca dao Việt Nam đã nói. Ông nghĩ tới cảnh quay đi quay lại mông một vừa qua ba mươi đã tới - tiền nhà tiền cửa lại xấp xấp ra đi mà xót ruột thương con. Ông đem ý hỏi sao không mua nhà, thì đưa con gái mỉm cười bảo: cái “job” của con làm không cố định được đâu bố, nếu ở đây ít khách thì lại phải đi kiếm nơi khác, có khi phải di chuyển sang bang này bang nọ cơ. Mình chưa thể ở cố định một chỗ được bố ạ. Mà ở cái xứ này bố có tiền thì cũng chẳng dại gì mà mua nhà trả tiền mặt như ở cái xứ Việt Nam của bố. Ông vừa tròn mắt tỏ vẻ ngạc nhiên thì con ông đã tiếp lời ngay: “Bố trả tiền mặt thì nó sẽ đánh thuế bố tối mắt - rồi lại còn đủ thứ kê khai rắc rối như thu nhập ra sao, bao nhiêu miệng ăn v.v... Nhiều khê lắm, bởi vì nó sẽ truy tại sao bố có số tiền ấy? Nó ở đâu mà ra? Buôn Hê-rô-in à? Mai pha à? Nói chung là bố có xu trong túi cũng vẫn phải đi vay ngân hàng rồi trả góp. Mọi thứ đều trả góp trả góp suốt đời. Đây là cuộc sống Mỹ. Bố chỉ cần ở vài tháng là thấy

ngay. Nhà mình chỉ có cái nhà là bọn con thuê còn mọi thứ từ xe cộ đến tivi, tủ lạnh, máy nóng, máy giặt tụi con đều góp... góp hết đấy bố ạ. Ông mỉm cười theo cái vui rất tự nhiên, đã thấm sâu bản chất Mỹ của con: nghĩa là suốt đời làm con nợ?! Con gái ông chợt nhớ hồi ở nhà, ông hay dùng tiếng Pháp, nó buột miệng trả lời: “éch-đzác-tơ-măng”. Rồi nó lê cái bụng chứa chừng hơn tháng nữa là sinh, đi vào phòng riêng sau chiếc ghế ông ngồi.

Ông mỉm cười khi nghe con nhắc lại thói quen của ông lâu lâu lại thêm từ tiếng Pháp vào. Thực ra cái loại ngoại ngữ này suốt thời ông học Trung học được coi là ngoại ngữ chính, ông cũng chỉ học thuộc lòng các bài mẫu như loại dissertation morale mà thầy Nguyễn Hữu Đột mở cours ở đường Công Lý dạy. Đi thi trúng tủ thì cứ thế mà chép ra còn trật đề thì cũng chỉ ngồi viết nhăng viết cuội mà thôi. Nhờ học tủ như thế nên giọng tiếng Pháp của ông khá trôi chảy? Đối với ông, ông vẫn yêu văn chương Pháp, cái văn minh lịch sự của người Pháp, ông chán cái thứ tiếng Anh đọc lên là cuối từ cứ phải “sít với

sịt". Do đó học hết thầy này đến thầy nọ, ông đã thực hiện đúng kiểu "phốt tỉnh Ănglê" nên khi đi thi Trung học mở đầu bài dịch tiếng Anh ra tiếng Việt "One way street" ông đã phang ngay là: "Một con đường phố". May quá, không biết có phải má cụ tổ nhà ông táng hàm rồng hoặc số tử vi của ông có long trì, phượng các, tử phủ ngũ tướng khoa quyền hay không mà ông cũng đậu ngay khóa một, ông lại phôi phối lái xe đi học làm lóa mắt các thằng bạn đồng môn. Bây giờ thì cái tiếng Pháp nửa nạc nửa mỡ, chẳng có đất dụng võ ở cái xứ này. Bằng cứ là tuần thứ ba đầu tiên trên đất Mỹ nó đã thật sự vô dụng. Nghĩa là hai tuần đầu ông bận rộn liên miên với các điện thoại trả lời bạn bè đến mỗi miệng, mỗi tay. Lòng ông rưng rưng xúc động vì đã hơn năm mươi năm rồi thế mà vừa được tin ông sang định cư, chúng đã gọi đến hẹn hò, "rủ rê" và quả nhiên hai ngày sau, khi ông vừa mở mắt thì đã có bốn năm thằng: có thằng ông biết, ông nhớ lại, có thằng ông cũng như nó chẳng đi chơi với nhau bao giờ nhưng nay xa xứ hễ cứ nghe thấy thằng nào là đồng môn CVA nó cũng nhiệt tình đón tiếp. Hỏi ra thì thằng ở gần ông, gần nhất cũng năm mươi cây số. Điều đó

càng làm ông cảm động hơn. Bạn bè cứ thế “lôi” ông đi từ nơi này đến nơi khác. Có chỗ mất vài tiếng và có chỗ phải đi xe bus từ sáu giờ sáng đến hai ba giờ chiều mới tới nơi. Đây là khu Little Sài Gòn. Nơi đây người Việt di tản và định cư đã lập nên một cộng đồng đông nhất. Những cửa hàng nằm trong một siêu thị lớn qua từng ô bán hàng. Nào phở, nào chả giò, nào gỏi cuốn - duy chỉ thiếu có món chả giò rượu mặn, một món ăn quốc hồn quốc túy Bắc Kỳ: thật chớ vì chẳng ai dám ăn. Nếu bị bắt quả tang thì ngồi 3 tháng tù, và giết chớ thì ngồi 5 tháng tù. Trên lầu là các cửa hàng vàng bạc đá quý v.v... Đây phố Bolsa, đây Phước Lộc Thọ với những Thành tấp, Quyền thuốc lào, Hiền phó nhòm, Hiền dợc sĩ... và vô số những khuôn mặt hơn năm mươi năm giờ lạ hoặc chỉ có tiếng nói “đặc biệt” thể hiện và tính từng thừng là vẫn không đổi, mặc dù bọn nó có thời... xa xưa ấy đã từng lon vàng, lon trắng cành liễu lơ thơ hoặc “áo thụng” ghế cao. Bây giờ thấm thía với câu thơ của thầy Vũ Hoàng Chương: “... Lũ chúng ta đầu thai lắm thế kỷ...”. Lũ bạn đã trở thành các bậc bô lão, thán thán lãnh hừ trí hoặc hưởng tiền an sinh

xã hội và ngày ngày gặp nhau để mà “hoài dĩ vãng vàng son” hay “hoài cố nhân” bên hè phố thắm đậm cái vô vị nhạt nhẽo của kiếp người lưu lạc.

Vậy rồi đó, sau ba tuần vui hội ngộ với bạn bè, sau ba tuần có nước mắt rơi, có ghen ngào xúc động trước cảnh anh chị em ông chân thành đón tiếp; ông lại trở về căn nhà của đứa con gái bảo lãnh vợ chồng ông sang định cư mà mỗi buổi sáng cho cả đến mỗi buổi chiều nó đều rơi vào một khung cảnh quá ư vắng lặng. Tất cả dãy nhà thuê hầu như đều đóng cửa. Nơi đây không có cảnh lũ trẻ nô đùa phá phách như lũ trẻ quê ông. Nơi đây trời mới vào đông mà lá cây, thảm cỏ đã phủ tuyết. Nhưng cái lạnh không buốt giá thấu xương cốt thịt, không nứt môi nứt mỗ bật máu căng da. Lâu lâu trên trục lộ qua Thị trấn vài chiếc xe con hoặc xe hàng lầm lũi chạy, rơi rớt lại vài âm thanh rồi mất hút xa vắng càng tăng thêm cảnh Thị trấn hoang vu miền Bắc Mỹ. Sự ồn ào náo nhiệt ban đầu cũng lạnh dần. Các cụ già như ông càng co cụm. Mới mấy tuần mà đã chớm thấy cô đơn, chỉ còn cảnh ông nhìn bà, bà nhìn ông và cái tủ lạnh to đùng chứa đủ thứ cho nhu cầu



bữa ăn cả tuần. Và rồi sáng nào cũng như sáng nào năm ngày đều đặn cứ bánh mì nướng lại nướng bánh mì ngồi nhai trọ miệng với ly sữa lờ mờ nước cà phê nhạt nhẽo không mùi không vị. Ông lại tiếc những buổi sáng ở trước cửa nhà xưa. Đó là những buổi trời không mưa, ông ngồi trên ghế trước cửa, vừa nhâm nhi ly cà phê sữa nóng ấm trên tay vừa “đánh” mắt nhìn cảnh bà đi cô lại, thậm chí chỉ có đồ thun hở ngực, váy ngủ nhàu hương phơ phới trước mắt hoặc ngồi xỏm chọn quít, chọn cam ngay mấy hàng ngồi bán nhờ bên hè cửa. Lúc ấy nếu ông là nhà thơ tất yếu sẽ “phun” ra được những dòng thơ trác tuyệt miêu tả vẻ đẹp thiên thần từ ngoài vào trong từ trong ra ngoài đủ các bộ phận chứ không như cụ Nguyễn Du chỉ tả khơi khơi lúc nàng Kiều của cụ tắm: “Rày rày sẵn đúc một tòa thiên nhiên”. Tất yếu con cháu cụ cứ phải tưởng tượng ra sự liên hoàn trong một câu duy nhất cụ “phán”. Nghĩa là vật cứ phải có trước còn tư tưởng thì tới sau. Còn vật bày ra trước mắt thì tư tưởng đen tối cứ loạn cả óc lên.

Thế mà bây giờ ông đã xa chỗ ngồi quen thuộc ấy, với cái ghế hơn 15 năm đã lên nước đen bóng và chiếc cốc sứ vẽ cảnh sơn thủy đời Minh mà miệng đã lâm râm

cóc gặm. Sở dĩ ông không thay bằng ly tách khác vì đây là vật “gia bảo” của cụ thân sinh mua. Nó có tới bốn cái mà rồi bị thất lạc, mất ba trong những ngày nhà ông bị đánh tư sản đẩy đi vùng kinh tế mới Cà Mau. Cũng may vật đi thay người nên ở đây ba đưa con ông vượt biên đều được bình yên. Ông uống cà phê hàng ngày với chiếc cốc này là để duy trì một kỷ niệm đẹp thế thôi!

Thói quen “chào buổi sáng” bưng bưng trong lòng ông đã mất. Nơi đây mãi chín mười giờ trời mới sáng màu chì. Trong lúc bà kỳ cọ loanh quanh trong bếp thì ông khoác chiếc áo ấm mở cửa lang thang trên hè phố. Hè phố hiu hắt gió và chẳng có gì để ông ngắm, ông nhìn ngoài hàng du mà tuyết rơi bám trắng trên cành trơ trụi lá. Những dãy nhà cùng kiểu, cùng kích thước nhưng màu sơn thì cái đã ngả màu xám xịt, cái khác được người thuê sơn lại, điểm xuyết cho niềm hy vọng của những con người còn lặn đạn áo cơm như con ông trong lòng một nước Mỹ mà ai cũng lo toan kiếm sống. Trong dãy nhà dọc theo con phố, ông thường đứng khá lâu ngắm nhìn một căn nhà ở đầu ngã tư có thiết kế theo phong cách Đông Phương, toát lên vẻ u nhàn tĩnh

mịch, nó giống như cái villa của ông cậu ông ở Thủ Đức mà khi Sài Gòn giải phóng, ông cậu của ông đã được phân phối. Trong vai vé là cậu song vì là con bà hai bà ba của ông ngoại nên có người cao nhất chỉ hơn ông mười tuổi. Do đó những lần gặp nhau trong đám giỗ đám cưới, ông thường bảo ông cậu Thủ Đức: “Tập tầm vông bông không mà có” thì cậu ông lại cười bảo ông: “Tập tầm vó đang có thành không”. Đến nay cậu ông đã chết, cái villa ở Thủ Đức chẳng biết “đi về đâu”, bởi ông cậu của ông thay vợ như thay áo. Chính từ cái villa này mà hoài niệm gia đình cứ cuộn cuộn dâng lên làm sáng nào ông cũng dừng lại ngắm nghía rất lâu cho đến một ngày ông đang đứng nhìn vào thì có một chiếc xe cảnh sát ập sát lè. Cánh cửa xe mở bung ra và hai thằng cảnh sát tay lăm lăm trên bao súng tiến lại phía ông. Một thằng nhỏ con như người Việt hoặc Tàu hoặc Nhật gì đó đến phía trước, còn thằng Mỹ đen to như hộ pháp ở phía sau. Thằng cảnh sát nhỏ con hỏi ông:

- Where are you from? (Quê ông ở đâu?)

- Qu'est ce que "from"? - ông đếch hiểu nó hỏi gì. Nèn ông tưng tưng hỏi lại bằng tiếng Pháp: from là cái gì?

- Are you Vietnamese? (Anh là người Việt Nam?) câu này thì ông hiểu vì ông nhớ lõm lõm lại những câu đàm thoại trong six-zem-bờ-lơ hoặc xanh-kem-be mà các thầy Lộc, thầy Kỳ đã dạy, nên ông vênh mặt trả lời:

- Oui, oui, moi Vietnamien (phải phải tôi là người Việt Nam).

- Thôi bỏ mẹ cái tiếng Pháp “giả cày” của mày đi. Ông là Lộc đây. Mày có nhận ra ông không hớ Bắp cảnh Phốt?

Phú lít Lộc sửa một hồi tiếng Việt làm ông ớ ra nhìn nó dăm dăm.

- Mày không nhận ra tao à? Lộc “Phú thọ lều” ở cùng phòng với mày hồi 54 di cư đây. Mẹ mày, nhà giàu còn ghi tên vào trại học sinh di cư để tháng tháng lãnh bảy trăm ăn chơi nhảy đầm, nhớ ra chưa?

Bây giờ thì ông nhận ra Lộc rồi. Nó vào Nam có một mình ở trại học sinh di cư Phú Thọ và học ở Hồ Ngọc Cẩn. Năm học xong đệ tứ nó vô-lông-te đi sĩ quan Đà Lạt, tốt nghiệp xong, nó đăng ký vào loại biệt kích biệt cách gì đó. Toàn là thứ dữ. Một hai năm đầu ông còn gặp nó chơi bất cần ở các vũ trường nổi tiếng Sài Gòn,

thế rồi mất hút. Mấy năm sau, ông được tin nó chết ở Hạ Lào. Không ngờ ngót hai mươi chín năm nó lại đứng sờ sờ trước mặt ông trong bộ đồ cảnh sát Mỹ, cúi cúi, sừng lục lủng lẳng. Ông nắm chặt tay Phú lít Lộc vồn vã:

- Tao tưởng mày chết mẹ nó rồi. Tụi nó đồn mày bị V.C "soi tái" ở đường chín Nam Lào mà?

- Tao có thiên thần hộ mạng. Chết thế nào được. Mà thôi chuyện sống chết ở những ngày chiến tranh ấy tao với mày sẽ nói chuyện sau. Bây giờ bọn tao - Lộc chỉ sang tên Mỹ đen - còn phải đi tuần tra. Còn mày, may đó con ạ là gặp tao, chứ không thì bọn nó đưa về bót cho muỗi đốt xưng giải mày lên. Rồi tha hay không sẽ tính sau.

Nghe Lộc nói thế, ông ngạc nhiên hỏi:

- Tao có tội gì mà bọn phú lít tụi mày đòi nhốt tao?

- Ê, ông già mày đặt cho mày tên Bắp Cảnh Phớt là đúng vì cái gì mày cũng phớt lờ chẳng chịu tìm hiểu cái con mẹ gì cả. Ngay cả bản thân mày đang sống trên đất Mỹ, mà không chịu học tiếng nước nó, cứ đem cái tiếng Tây giả cây ra mà nói. Rồi luật lệ nước này nó ra sao

mày cũng đếch thềm tìm hiểu. Mày muốn biết tại sao mày đang đứng nhìn vào cái nhà này mà bọn tao ập đến bắt mày không? Vì mày sáng nào cũng đứng lại ngó ngó nhìn nhìn vào...

- Thì tao nhìn vì thấy nó giống nhà tao ngày xưa. Tao nhìn cho đỡ nhớ...

- À thằng chủ nhà này nó không có đôi mắt thần để nhìn được tâm trạng hoài nhớ của mày. Nó chỉ thấy một sự không hay sẽ tới với nó...

- Nghĩa là làm sao?

- Nghĩa là nó nghi mày là thằng đứng nghiên cứu lối vào để ăn cướp nghe chưa. Nên nó phải báo cho bọn cảnh sát ập tới bắt ngay. Nước Mỹ sống bằng Luật - đếch có nhì nhằng ầm ớ gì cả. Mày hiểu chưa?

Rồi Lộc cười toét miệng cá ngỗng; móc ví lấy ra tấm thiệp bảo ông:

- Tao không có thì giờ *đấu láo* với mày trong giờ công vụ. Mày rảnh gọi phônê cho tao. Tao rảnh sẽ tới "xúc" mày đi ngao du, chửi nhau bằng tiếng Việt cho sướng miệng.

Nói xong phú lít Lộc quay sang nói một tràng tiếng Mỹ với đồng sự Mỹ đen. Tên này mỉm cười giơ tay bắt tay ông với câu tiếng Việt bập bẹ:

- Chào ông, con gái Việt Nam đẹp lắm, *dâm dăng* lắm.

Cò Lộc vội đính chính - nó phát âm đảm đang không được nên thành dâm dăng đấy, rồi nó cười hê hê mở cửa lên xe, thò tay ra vẫy bye bye! Chiếc xe chạy tung bọt tuyết sang hai bên. Còn ông, ông cũng vội vã trở về nhà. Nhớ lời *bạn vàng* dặn dò, ông cũng cạch luôn cái thứ tiếng phú lang sa thuộc địa chẳng có tác dụng gì trên cái đất ông bị con cái “cưỡng chế” tới sinh sống.

Thời gian trôi đi quá nhanh. Bỗng chốc đã được hơn năm năm, ông đã qua bốn mùa đông và bốn cái “Tết không có tết” ở cái nơi khí ho cò gáy này. Mà mùa trên đất Mỹ lại không rơi vào cùng ngày cùng tháng như nhau. Nơi này đang mùa giá lạnh thì nơi kia đã sang xuân. Bây giờ thì ông đã quen với sự đành hanh của trời đất. Năm đầu tiên ông sống trong mùa đông tưởng như nằm dưới thủy phủ của long

vương - người cứ cứng như xác người chết. Dù nhà có máy sưởi hay lò sưởi thì quần áo cũng chất đống trên người mới mong cái lạnh chỉ thoáng qua vào da thịt. Rồi soi gương thấy mũi đỏ, má đỏ, môi đỏ song không vều lên nứt ra thành trái chuối mẩn như môi Thị Nở của nhà văn Nam Cao. Ngoài trời tuyết trắng mênh mông, bởi chen chúc nhau rơi nên tạo thành khoảng không gian âm u bình tĩnh. Rồi vào khoảng bốn giờ hơn là đã tối om và tuyết lại đổ tới bời, những người đi làm bò được về tới nhà có cảm giác như vừa thoát khỏi cảnh địa ngục trần gian. Nghĩ thì nghĩ vậy khổ thì thấy rõ khổ nhưng ngoài sáu tiếng hay tám tiếng tùy công việc lại còn có khoản tiền làm ngoài giờ. Món tiền này nó có sức quyến rũ kỳ lạ nên dù lạnh đến thấu xương vẫn cắn răng, cắn môi có khi bật cả máu chạy vội ra xe *vui vẻ* lên đường. Mà lạnh quá thì xăng hình như cũng đông lại. Nó không chịu cho máy uống hay sao nên máy có là thượng đế cũng nằm ì. Bởi thế lúc về bao giờ cũng phải đắp mền, đắp chiếu cho xe. Có người cẩn thận, ban đêm lâu lâu lại phải mặc đồ như “phi hành gia” nai nịt cứ như sắp bước lên phi thuyền, lò



dò ra mà nổ máy rồi cho nó *đi dạo* vài vòng mới yên tâm để hy vọng ngày mai nó sẽ *công* mình đi xuôi chèo mát mái. Cái mùa khốn khổ này con người cứng xe hơn cả vợ vì nó là cái cần câu cơm! Không có nó thì cả một sấp “biu” nào điện, nào nước, nào tiền thuê nhà nào tiền thuế... chúng nằm chờ ở trên bàn, nhìn thấy là chóng mặt. Khổ nỗi là Tết Âm lịch ở nơi đây lại cứ rơi vào những ngày mùa đông khốn khổ. Cả khu thị trấn này rải rác có dăm ba gia đình người Việt còn toàn là Mẽ với da đen. Suốt năm năm qua nhìn lên tờ lịch rơi dần, ông lại nhớ cảnh từng bừng rộn rã lo sắm tết trong những ngày năm hết Tết đến ở quê nhà. Đó cũng là những buổi sáng không thể nào quên được của ông bên chiếc cóc sứ cóc gặm, vẽ phong cảnh đời Minh. Vị cà phê đắng giọng và đôi mắt no nê cảnh người cảnh chợ trước cửa nhà ông. Mỗi lần nghĩ tới, đầu ông lại như mê mụ, đắm chìm vào niềm nhớ tiếc băng khuâng. Nhìn cảnh vật nơi đây chỉ toàn màu tuyết trắng càng làm ông thêm khát cảnh rực rỡ đầy hoa ngày giáp Tết. Hoa từ trong hẻm đi ra phố, hoa môn môn đủ sắc, đủ hương khoe dưới nắng sớm vàng hanh của mùa thu còn rơi rớt cuối đông. Và còn nơi nào đẹp hơn là

con đường hoa Nguyễn Huệ. Mặc dù sau ngày ba mươi tháng tư bảy lăm người ta đã dẹp bỏ cái thông lệ này đi - nhưng chỉ sau vài năm, con đường hoa ấy đã sống lại tạo nên nét hào hoa thanh lịch cho người thành phố Sài Gòn. Nghĩ tới những tiếng hào hoa thanh lịch, xưa kia chỉ dùng cho người Hà Nội - hãnh diện đất Tràng An - thì lòng ông lại buồn vì ông cũng sinh ra trên đất ấy khi nghe tin, có năm người Hà Nội phá hoa, cướp hoa vào một ngày Tết trên những đường hoa mà thành phố tổ chức cho người dân và khách du lịch du xuân. Thậm chí sau này có hai cây hoa anh đào được tặng đem triển lãm cũng phải rào kẽm gai. Nghĩ tới ông không khỏi xấu hổ, song trong biến đổi của lịch sử, có lẽ người đất Tràng An đã phiêu bạt nhiều hơn là số người còn tồn tại. Những lúc ấy ông lại tự an ủi: “Người Tràng An có bao giờ nói ngọng và chửi thề nói tục ghê gớm như thế!”.

Đám con cái ông ở đây ngót mười năm, chúng không có Tết Nguyên đán vì đều rơi vào những ngày đi làm. Năm nay nhờ có bố mẹ sang, chúng vui mừng chở vợ chồng ông lên *city* sắm sửa. Đêm giao thừa

không tiếng pháo, nhưng có mùi nhang thơm, có ánh đèn tỏa sáng lung linh trên bàn thờ và với màu vàng óng của những cánh hoa cúc đại đóa, màu trắng ngà của hoa huệ mà vợ ông mua ở shop hoa trung chuyển từ Thái Lan sang, đã gây được cái cảm giác như ngày Tết ở quê nhà. Nhưng mấy Tết năm sau thì hai ông bà lại thường về ăn tết cùng mấy đứa em ở Nam Cali. Nơi đó người Việt ăn Tết ấm áp hơn và nhất là mang đầy hương vị của một cái Tết Nguyên Đán đúng ý nghĩa của nó. Cũng có cây nêu, có pháo hoa có những đêm văn nghệ, có trò chơi dân gian và nhiều chỗ còn hát trống quân, người đi chơi thâu đêm suốt sáng. Vợ chồng ông tìm được cái thú đánh tam cúc cùng các em các cháu trong ngày Tết tưởng như đang ăn Tết ở nhà mình ngày xưa. Chính những lúc đánh bạc “cò con” vui trong ngày Tết này; lòng ông lại băng khuâng nhớ tới khuôn mặt của các bà bạn vợ ông. Nào là bà Cúc tròn lẳn da bánh mật, bà Hồng chân dài, mặt lấm tẩm tàn nhang giọng nói rất ngọt ngào và bà Dung thân thể đầy đà, vòng ngực vòng hông đầy sức sống. Các bà đều đã trên dưới sáu mươi bằng tuổi vợ ông nhưng nhờ ngày ngày đều thể dục thể thao lại ăn uống đầy đủ chất

bổ dưỡng nên trông còn rất mượt mà. Thế mà đường chồng con lại mỗi bà một khác, người thì chồng sau ba mươi tháng tư một bước làm quan bắt đầu đỡ chúng. Nói đối vợ như cuội nào là nay hợp mai hợp, hợp ngày hợp đêm để đến nhà bồ nhí. Bà tuyên bố thẳng: Đàng ấy ăn chả thì tớ cũng ăn nem! Làm to chuyện thì tớ chỉ đưa một tờ đơn... là mất chức. Bà thì chồng vượt biên chết nơi biển cả, đau khổ ở vậy nuôi con định giết lấy cái bằng khen “Tiết hạnh khả phong” nhưng rồi gặp mấy cha Việt kiều khoe rằng lương hưu lãnh tới mấy ngàn đô thừa sức “nối vòng tay lớn” đưa em và các con em cập bến Thiên đường. Nó ăn nó ngủ đã đời, nuôi nó chăm bẵm như nuôi chim yến cuối cùng thấy mãi chẳng đi đến đâu. Tìm hiểu kỹ thì mới biết lương hưu chỉ trên dưới một ngàn và bà vợ già còn đeo như đĩa. Thế là bà cho rớt, bỏ đi kinh doanh nhà đất và gặp thời phát lên như điên. Riêng bà Dung là gia đình không có sóng gió vì chồng bà tu xuất; tối ngày ngồi hút thuốc lào vặt ở nhà viết báo mặc vợ búong trái kiếm cơm. Lâu lâu có bài được đăng, ông lại đưa bà số tiền một hai trăm - nhuận bút ấy làm quà nịnh vợ. Bà chán cái cảnh nằm chần đơn gối chiếu. Tỉnh giấc dậy nhìn ra

vẫn thấy anh chồng ngồi cặm cặm cụi cụi suốt đêm. Lòng bà dâng lên niềm tủi hận, tiếc ngày xuân cứ vùn vụt qua đi. Những người đàn bà ấy tình cờ quen biết vợ ông trong sân tập ở công viên LTR và trở thành bạn thân, tháng tháng một đôi lần cùng lại nhà ông đánh bài tứ sắc hoặc sập sấm giải trí. Lúc đầu, ông chỉ được ngồi chầu rìa bên vợ xem các bà bày mưu tính kế nước cao nước thấp ăn nhau. Năm thì mười họa thiếu chân, ông mới được mời tham dự. Bởi đã thân quen nên lời nói chót nhả của các bà chọc nhau về chuyện chồng con chẳng cần giữ ý và nhất là y phục thì quá tự nhiên. Bà thì áo dây quần soọc vải mềm, bà thì mặc luôn rộp ngủ ngồi chơi, xoay tròn trên chiếc chiếu hoa trải ở phòng khách. Và mặc dầu chỉ được đóng vai thế chân mà với bàn tay Chúa tạo, ông đã là người tình của cả ba bà bạn của vợ ông mà chẳng bà nào biết bà nào đã cùng ông trăng gió cả. Ngót năm năm trôi qua, tuy chẳng có tin tức gì, song mỗi lần nhớ lại quãng ngày vui ở tuổi xế chiều đạo đó, ông lại mỉm cười với cái cảnh bà nào bà ấy trông bên ngoài thì cứ như các bậc mệnh phụ phu nhân, đoan trang hết mực nhưng khi ở trong bóng tối thì đều như hổ đói vô môi và nhất

là bà Dung cứ như muốn nuốt sống ăn tươi bởi có lẽ bao đêm bà chỉ thấy ông chồng của mình gò lưng trên sách vở, nào là Tân ước, cựu ước, Gia Tô bí sử, nào là nhật ký của Chúa, lịch sử Công giáo, lịch sử giáo hội, cả đến những vần thơ ba lớp “Chúa đã khước từ” của một nhà thơ vô danh tiểu tốt cũng được để chềnh ềnh ở đó.

Một buổi sớm đầu tháng tư, vừa mở cửa sau bước ra vườn, ông hơi bị chói mắt bởi ánh nắng vàng màu lụa nhạt mênh mông trong khoảng trời xanh trống rỗng. Trên hàng rào ngăn cách vườn nhà này với nhà nọ, từng cánh hoa anh túc mỏng như hoa giấy nở rộ. Những con bướm như ở đất chui lên, ở trời rớt xuống, con bay chập chờn, con đậu lung linh. Màu hoa, màu bướm lúc chập lúc tan lay động cả cái im lặng tưởng như không bao giờ trở lại. Ngoài kia trong công viên, trên hàng cây chạy dọc đường, hình như đã rũ xong cái áo tuyết tự đêm qua để dưới cái nắng *cứu độ chúng sinh* này rộ lên cả một màu xanh. Rồi nụ và lá cứ mỗi ngày một căng, một cương mọng và các nụ hoa ấy bung ra tự lúc nào chắc chỉ có trời hay đất biết. Chúng chen nhau, lấn nhau

tưởng như đẩy hết lá đi mà khoe sắc khoe hương. Năm năm trôi qua, ông thích nhất những ngày tháng ấm áp này, mà điều ấy có lẽ không phải mình ông cảm thấy. Bởi trong công viên, bên bờ hồ gần Thị trấn, người ta kéo ra nằm dài trên bãi cỏ non như phơi phóng lại hết những cái gì trong cơ thể tưởng như đã mốc meo. Và người vui nhất ở thời gian này phải là bà vợ ông. Vì sáng nay kết quả thi vào quốc tịch cũng vừa được thông báo và gửi về tận nhà. Kể từ nay bà đã là công dân Hoa Kỳ gốc Việt. Cái tên Nguyễn Thị Đào mà bố mẹ đặt cho đã được đổi là *Đào Nguyễn Còn* ông vẫn giữ được nguyên cái tên trên khai sinh từ lúc chào đời: *Bấp Cảnh Phớt*. Ông nhớ lại hôm đi thi về, con gái ông, nó đã hóm hỉnh hỏi ông: Bố có làm được bài không bố? Ông bảo: Chẳng có gì không làm được, *parfait*. Thế có câu nào hỏi về cờ quạt hoặc về các Tổng thống Mỹ không?

- Có chứ. Này nhé: Nó hỏi lá cờ Mỹ có bao nhiêu sọc? Kenedy là tổng thống đời thứ mấy của Hiệp Chúng Quốc?

- Thế bố trả lời sao?

- Thì bố bảo cờ nào chẳng có sọc, không sọc dục thì

sọc ngang đếm sao suể. Còn Kenedy là tên Tổng thống giết ông Diệm, ông Nhu năm 1963 nên cũng bị chết vì quả báo.

Con gái ông cười ngất bảo:

- Thế thì nhất định bố đỡ ngọn tre rồi!

Quả nhiên con ông nói như thần nói.

Tuy thế ông chẳng buồn vì cái kế hoạch mà vợ ông quyết tâm theo đuổi nay đã sắp thành. Công lao kiên trì, sắp xếp ra đi của bà là cả cuộc thắng lợi ngoạn mục chỉ cần ông hay bà được nhập quốc tịch là đủ. Mai mốt đứa con trai út và cũng là đứa duy nhất có vợ, một con hai tuổi còn ở Việt Nam, sớm muộn cũng đi sang đất Mỹ. Con cái nó sẽ là những zoóc những zít, những zen-ni-phơ, Zen-ni-phết. Mít, soài, cam, quít bà sẽ trả lại cho cái đất Năm Căn muối như chấu mà bà đã phải trải qua ba năm rửa tôm mỗ cá ở đó. Chỉ đến khi người bị động viên đi “kinh tế mới” ào ào trở về vì không có phương tiện sống và chỉ được nhập khẩu lại nếu còn có sổ gốc, bà mới cùng ông lếch thếch trở về căn nhà cũ mà cụ mẹ chồng hơn tám mươi tuổi vẫn kiên trì giữ được. Lúc đầu hai vợ chồng ông quăng hết đám chổi cùn rế rách làm chỗ giữ xe cho khách đi chợ bên kia đường gửi. Ở góc cửa



ra vào bà đặt tủ thuốc lá bán lẻ. Khi tủ thuốc đã xuất hiện một hai bao thuốc ngoại như Pall mall, lucky, Gitan mà bà mua lại của đám đi tàu Viễn dương để bán thì cũng là lúc chính sách kinh doanh tư nhân được phép bung ra. Bà bỏ việc giữ xe và mở bán cà phê. Cũng từ đó, sáng sáng ông ngồi trước hiên nhà với chiếc cốc vẽ phong cảnh đời Minh mà nhàn nhã tìm cho mình cái thú riêng tư... Rồi khi giấy tờ đi định cư đã gửi xong, bà đem cho thuê mặt bằng, tháng tháng lấy gần mười triệu. Bà chăm lo luyện tập thể dục chuẩn bị sức khỏe cho ngày đoàn tụ cùng các con ở nước ngoài. Còn ông, cách một hai tuần trong tháng lại đem chiếc xe Renault dix chở bạn bè đi câu cá. Máy bà bạn thân của vợ ông cũng đã từng người được ngồi trên chiếc xe này; nhưng không phải là ra sông, ra biển mà đều được ông đưa đi câu ở đất liền như miền Thủ Đức, Lái Thiêu. Ông mỉm cười nhớ lại manh chiếu cặp điều ngày tháng trôi đi đã thâm lại bởi những cặp đùi, cặp hông của mấy bà. Chiếc chiếu ấy cứ được cuộn lại rồi lại được trải ra mua vui cho đám tuổi xuân bị hờ hững bỏ quên và ông đã là người bù đắp cho cái trống hoang tàn thiếu niềm sinh khí ấy. Bỗng đứa con ông, chiếc bụng lại nặng nề đứa con thứ hai nhìn ông an ủi:

- Tại bố học văn chương Pháp quen rồi. Nếu thi bằng tiếng Pháp thì bố đỡ cái một.

Rồi nó cười hỏi tiếp:

- Con nói có đúng không bố. Bạn bố dạo xưa đã chẳng phong cho bố cái tên gọi cửa miệng là De Gaule đấy sao?

Bà vợ ông nhìn ông, nguýt dài:

- Bố mà thì chỉ có tài câu cá!

Nghe vợ mĩa mai về cái “tài câu cá”, ông Bấp Cảnh Phớt lúc đó hơi chột dạ. Chẳng lẽ bà đã biết hết những cuộc tình lén lút của ông với ba bà bạn thân của bà sao? Chẳng lẽ bà thuộc nòi “áo lụa Hà Đông” vào uống nước dứa mát, ngọt xứ Bến Tre tưởng đã sạch trơn cái bản chất ghen tuông của nữ giới, để rồi đến hôm nay bà mới lộ mặt nạ của ông ra? Có lẽ ông yếu bóng vía mà suy luận ra, chứ thực tế bà Đào Nguyễn vợ ông đúng là một người phụ nữ chỉ tuyệt đối tin vào lòng chung thủy của chồng. Mà ông thì “đóng phim” rất khéo, khó có ai tin là giả được trừ những nụ cười nửa đong đưa nửa khâm phục của người tình ông dẫn đi câu, nghĩa là dù đi một ngày, hai ngày hay ba ngày chiếc thùng đựng cá của ông đem

về không ít thì nhiều cũng lục cục cá quẫy trong thùng như mọi lần. Đấy là lũ cá ở chợ. Còn mớ quần áo nhàu nát, lấm tẩm bùn đất thì trên đường về, ông dừng xe, xuống bờ ruộng sẵn nước, sẵn bùn tha hồ cho ông tồ chát, hoàn tất cuốn phim...

Kịch bản ấy quay đi quay lại vẫn hoàn chỉnh. Ông nghĩ nếu nó có bị *cháy phim* thì sẽ do một trong ba diễn viên kia khám phá ra nhau mà thôi.

Ông mỉm cười: Đến lúc đó thì chẳng phải là ba mà là bốn cũng đi đứt dưới bàn tay vợ ông. Thứ nước dứa mát ngọt xứ Bến Tre cũng chẳng làm hạ hỏa được tiếng gầm hú của loài sư tử Hà Đông. Cũng may, hơn một năm sau đó hai bà mệnh phụ đã lần lượt đi lập nghiệp xứ người. Chỉ còn lại bà Dung cho đến nay đã hơn năm năm trời vẫn một tháng đôi lần gửi email hoặc gọi điện thoại hỏi thăm vợ chồng ông. Nhiều khi chỉ có mình ông ở nhà thì bà lại bật ra những lời nhớ, lời thương khiến lòng ông không khỏi băng khuâng mong một ngày về.

Mùa hè rục rờ bướm hoa qua đi, da thịt hồng căng của con người trong cái Thị trấn này lại đã dần dần teo

tóp. Ấy là lúc những chiếc lá du cứ hôm nay màu vàng ruộm, ngày mai đã biến thành màu đất nung già và rồi một hôm nữa là màu nâu tàn tạ rơi rụng trên bãi cỏ lạnh tuyết mùa đông đang tới thì ông Bấp Cảnh Phớt lòng cũng héo đi. Chẳng phải vì tiết trời trước mặt, cũng chẳng phải vì việc thi trượt vào quốc tịch xứ *Cờ hoa* và cũng chẳng phải vì cái tình ái lãng nhãng của tuổi xế chiều. Điều khiến chiều nay ông thấy cô quạnh lạ lùng là khi trong nhà chỉ còn có hai ông cháu. Bà Đào Nguyễn đã đi theo vợ chồng đưa con gái lên nhà bảo sanh ở trên City từ sớm. Lần này lại một thằng con trai nữa ra đời. Đưa con đầu là thằng John, chắc thằng này lại được đặt là Dzút hay Dzít gì đây. Mà thôi Dzút hay Dzít gì thì cũng kệ tụi nó. Ngồi một mình trong không gian nghe rõ cả tiếng thở của mình, ông mới nhận ra sự cô độc của tuổi già ở xứ này. Bận bè thì ngày một mất dần, thằng chết vì cao máu, thằng chết quần quai đau đớn vì ung thư. Mà nào có gần nhau để thấp cho nhau một nén nhang. Thằng gần nhất cũng ngót trăm cây. Năm ngoái thằng cò Lộc còn làm việc trong Thị trấn này thì tuần nào nó cũng đến đấu hót hoặc chở ông đi chơi kể ra cũng đỡ buồn; nhưng đầu năm nay nghỉ hưu, nó cũng dọn nhà về với con ở Garden Grove, vùng

Nam Cali. Còn ông bạn nổi khổ của ông là ông Ôn Lê thì cũng vào viện dưỡng lão rồi. Ở cái xứ này, dù chỉ sống mới có năm năm nhưng ông đã hiểu rất rõ cuộc sống gia đình. Nó chẳng bao giờ có ngũ đại, tứ đại đồng đường gì cả như ở cái xứ Tàu hay vài gia đình Việt chịu ảnh hưởng văn hóa Tàu. Ở đây chỉ có Nhất đại thôi là chuyện phổ biến, là Văn hóa Mỹ. Con cái lớn lên là nó “téch” ráo, chỉ còn trơ lại hai cụ chăm chút cho nhau. Ngày lễ ngày nghỉ nó kéo nhau về ồn ào, ăn uống, thăm hỏi vài câu, rồi đồng, tây lại đi tuốt, bỏ lại cái khoảng trống mênh mông cho người ở lại. Cu ky một mình thì vào nhà dưỡng lão. Ở đấy có tập thể già nua ốm đau bệnh tật vui với nhau, chờ Thượng đế gọi về. Nghĩ tới những ngày ấy, ông không khỏi thở dài và rồi còn cách xưng hô, đối xử, rồi phong tục tập quán của con người Việt đã ăn sâu cả đời trong ông nay nó hụt hẫng, nó tan nát trong lòng ông. Mỗi lần ông chuyện trò cùng đám cháu ngoại nó cứ *I* với *You* chẳng khác anh Tàu chỉ những *nị* với *ngộ* khi nói chuyện cùng các bậc cha chú. Ông yêu biết bao nhiêu cái thứ bậc trên dưới, nề nếp lễ độ của con người Việt. Thế mà giờ đây đã mất cả. Mai một cái gia đình thằng con trai ông sang đây nốt thì kể như cái truyền thống nhà ông cũng sẽ

tiêu tan như đồng lá cây du mục rã ngoài kia. Nhiều lúc chỉ có hai vợ chồng ở nhà với nhau, ông đã đem cái ý định trở về bàn cùng vợ. Bà chỉ ngồi lắng nghe những lý luận, những phân tích của ông, không hề cãi lại, y như một người hiền phụ đã xuất giá thì phải tòng phu vậy. Chỉ đến khi ông cầm ly trà mạn, chiêu một ngụm thì bà mới từ tốn bảo ông: “Chắc ông nhớ muối Cà Mau nên muốn trở về phải không? Vâng, thì ông cứ hồi hương chẳng ai giữ cả”. Thế là ông im thin thít như thịt nấu đông.

Một tuần sau, thằng cháu ngoại thứ hai được về nhà. Mẹ nó thấy ông ngoại thích văn minh Tây, nên đã đặt cho nó là Robert. Nó là đứa con yêu bố nhất trong ba chị em gái nên khi vừa bằng con bước vào nhà, nó đã gọi ông rồi rít:

- Bố ra bế thằng Tây con đi bố! Nó là cháu ngoại cụ De Gaulle Bắp Cảnh Phốt đấy bố.

Tiếng cười, tiếng nói đầy ắp áp của cả nhà như xua đuổi hết cả cái giá lạnh của gió, tuyết cuối đông đang lẫn quẩn ngoài sân.

Song thằng nhóc Robert này thật là xui vì mới về ở

cùng bố mẹ có hơn một tuần thì con ông nhận được giấy của tòa án thành phố yêu cầu ra khỏi nhà trong một tuần lễ, nếu không sẽ bị “giật nhà” - tiếng *giật nhà* ở xứ này có nghĩa là bị đuổi để nhà nước niêm phong nhà chứ không phải giật nhà cho sập như ở xứ mình với đầy đủ ban ngành, xe ủi, câu liêm khi nhà xây không có phép hoặc xây trên đất “treo”. Thằng con rể ông cầm tờ giấy của tòa án, mặt phùng phùng buông câu chửi thề bằng tiếng Mỹ rồi nói với ông:

- Thằng chủ nhà này không trả tiền ngân hàng nên ngân hàng xiết nợ. Mình bị vạ lây bố ạ. Thế là nó ra xe, lái chạy quanh thị trấn kiếm nhà. Hai hôm sau mới thuê được căn nhà mới với giá thuê mắc hơn và diện tích lại nhỏ hơn căn nhà cũ. Vợ chồng ông phải ngủ ở phòng khách. Cứ tối thì khuôn nệm gối ra, sáng lại dọn, nhét vào phòng con gái.

Có lẽ nhờ cảnh này mà ông được bà thu xếp đem chỉ thị - kiểu như mật mã Davinci về cho thằng con trai. Nào là thăm dò giá thị trường nhà đất để bán trước khi vợ chồng con cái đi định cư, nào là học một cái nghề chuyên môn như làm móng, cắt tóc, cùng lắm là nấu ăn, vì bà đã tính khi cả gia đình dọn về vùng Nam Cali

thì việc mở nhà hàng ăn uống cho người Việt thường thức là thành công nhất v.v...

Thế là một ngày sau khi ông Táo về trời, chiếc máy bay Boeing của hãng Cathay cất cánh từ Mỹ quốc sau 16 tiếng lại đem trả ông về mảnh đất phương Nam, nơi ông không sinh ra nhưng đã sống gần hết cuộc đời với biết bao kỷ niệm. Dù mới chỉ xa cái thành phố này có hơn năm năm nhưng khi máy bay hạ thấp, lượn vòng để đáp xuống phi trường, lòng ông cũng dưng dưng như đứa con lang bạt sắp được đặt chân vào mảnh đất quê hương yêu dấu. Ông nhìn qua ô cửa nhận định từng cảnh vật lướt qua. Kia là dòng sông Sài Gòn xanh xanh uốn khúc chảy từ Sài Gòn qua Tân Thuận, Nhà Bè rồi tan vào màu xanh rừng đước Cần Giò mệnh mông. Hai tháp chuông nhà thờ xưa vượt trời cao, nay như teo tóp lại giữa những khách sạn cao tầng phá vỡ cả cảnh quan của một thiên nhiên kỳ vĩ... và rồi cái nắng vốn dĩ quen thuộc lại làm bước chân ông hơi chững lại khi vừa bước xuống sân bay. Chiếc Renault dix quen thuộc phải chạy mua đường vì từ ngày ông ra đi đến giờ hình như các lô cốt ở cái thành phố này



mọc thêm ra chứ không giảm nên mãi mười bốn giờ hai bố con ông mới tới nhà. Các cháu nội của ông đi học, con dâu ông đi làm chưa về và mặc dù những ồn ào mua bán của cảnh chợ Tết cuối năm diễn ra ngay trước cửa nhưng ông vẫn cảm thấy một cái gì trầm lắng, đầy yêu thương che chở, bao bọc lấy tâm hồn ông. Trong ông chợt vang vọng lời ca bài “Trở về mái nhà xưa” mà thời trai trẻ ông thuộc nằm lòng.

Đêm hôm ấy ông ngủ một giấc thật sâu chẳng mộng mị gì. Sáng hôm sau, ông đi tìm cái cốc vẽ phong cảnh đời Minh để pha cà phê. Thằng con ông cười bảo:

- Bố thật là người yêu đồ cổ. Con thấy miệng nó như cốc găm nên ngày bố ra đi là con cũng quăng nó đi rồi. Cà phê của bố con đã pha sẵn. Chiếc ghế bố thường ngồi ngoài cửa con cũng đã đem ra rồi.

Ông bảo:

- Mà vẫn nhớ thói quen của bố à?

- Con nhớ và con thấy trống vắng mỗi khi xách xe đi làm không thấy bố ngồi ở đó. Con lại nhớ tới câu thơ của cụ Vũ Đình Liên.

- Câu thơ nào đọc cho bố nghe coi.

- Con chỉ đổi một từ thôi để phù hợp với nỗi nhớ bố của con. Nó là thế này:

*"Những người muôn năm cũ*

*"Ngồi ở đâu bây giờ "*

Ông bảo:

- Ngồi ở đây chứ ở đâu.

Và ông vừa cười vừa đón lý cà phê của thằng con.

Cảnh chợ Tết ngày cuối năm bò ra cả đến trước cửa nhà ông như mọi khi. Người ta đi xa về thấy cảnh cũ thường có tâm lý là vật đã đổi thay. Song ở đây cảnh cũ người xưa như muôn đời vẫn thế. Nhìn người, ông lại nhớ thân thể, dáng vẻ của bà Dung. Có lẽ tình tự quê hương và những ngày rập Tết nó làm cho tâm hồn ông trong sáng hơn chăng? Ông cũng chẳng hiểu có phải thế không mà từ hôm về tới giờ tính ra đã được năm ngày, ông chưa một lần giở số điện thoại của bà ra coi lại.

Thế rồi chợ Tết cũng tàn vào trưa ba mươi. Cửa nhà ông cũng vắng hoe vắng ngắt. Ông lại tìm được một đêm giao thừa đã đánh mất năm năm trong không khí

thiên liêng ấm cúng, chỉ tiếc rằng không có mặt vợ ông. Hai bố con ông ngồi nói chuyện, đợi cúng giao thừa. Và khi giờ khắc năm mới bước sang, ông đứng dậy thắp nhang, khấn vái trước bàn thờ vẫn đặt ở phòng khách như mọi khi. Sau đó con ông rót ly rượu mừng xuân, chúc ông sống lâu trăm tuổi. Rồi trước khi đi về phòng ngủ, nó chúc tiếp:

- Happy new year, bố.

Ông mỉm cười bảo con:

- Ủ năm nay bố mới thấy Happy.

Trong mùi nhang trầm quyện với hương hoa tỏa ngát gian phòng, ông cảm thấy tâm hồn như đang trẻ lại với gió xuân. Hứng khởi ông uống thêm hai ly rượu nữa rồi tắt đèn, cởi áo nằm thoải mái trên sàn nhà, tìm lại được sự thú vị chẳng giường, chẳng nệm như mọi khi. Hai tay gối lên gáy, ông mỉm cười thấy mình đang nằm ngay chỗ mà ngày xưa mấy bà thường trải chiếu cạp điều, quần nhau trong canh bạc. Vô tình, đầu ông lại nằm ngay chỗ bà Dung thường ngồi. Không biết có phải là hơi men của mấy ly rượu mừng xuân hay không

mà lòng ông xao xuyến nhớ tới mùi hương thơm đậm đà từ cơ thể của bà tiết ra. Trong cơn mộng mị, ông thấy đôi mắt bà Dung long lanh rực sáng và những tiếng rên rỉ ngọt ngào xa vắng. Ông khép chặt vòng tay, nhưng bà đã trườn khỏi như con cá ngày ông đi câu vừa giật lên bờ đã vượt khỏi bàn tay vồ vập của mình. Ông bàng hoàng tỉnh dậy nhưng vẫn nghe rõ niềm hoan lạc ấm nồng chảy từng giọt suốt châu thân. Ngoài đêm, trên hàng cây, sương rơi ướt đẫm cả một mùa xuân đang rạo rực.

---

\* Trò trẻ con chơi qua bài hát:

*“Tập tầm vông tay không tay có*

*Tập tầm vó tay có tay không”*

\* exactement: chính xác.

\* *“Những người muôn năm cũ*

*Hồn ở đâu bây giờ”*

(Ông Đồ - Vũ Đình Liên)